TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 898/2026/DS-PT
Ngày: 03-8-2026
V/v "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Lâm
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Trang Thư.
Ông Nguyễn Văn Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Chúc – Thẩm tra viên Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 827/2026/TLPT-DS ngày 02 tháng 6 năm 2026 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 75/2026/DS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân KV - Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1044/2026/QĐXX-PT ngày 19 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần K.

Địa chỉ trụ sở chính: 40 - 42 - 44, Phạm Hồng T, phường R, tỉnh An Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M, chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1995, có mặt

Địa chỉ liên hệ: Số G C, phường B, Thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị Út T1, sinh năm 1969.

2.2. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1965.

Cùng nơi cư trú: Số A B, khu vực Bình Dương B, phường L, Thành phố Cần Thơ, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trần Văn C1, sinh năm 1980.

3.2. Bà Nguyễn Như T2, sinh năm 1980.

Cùng nơi cư trú: C N, khu phố B, phường T, Thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số H đường X, phường N, thành phố Cần Thơ, có mặt.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Út T1 và ông Nguyễn Văn C là bị đơn; Ông Trần Văn C1, bà Nguyễn Như T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K có người đại diện trình bày: Ngày 01/8/2019, Ngân hàng TMCP K cùng ông Trần Văn C1 ký kết Hợp đồng dịch vụ số 542/HDDV-2019 về việc tư vấn sản phẩm và giới thiệu khách hàng với nội dung: *"...Cộng tác viên thực hiện cung ứng dịch vụ cho K1 như sau:*

a. Giới thiệu và tư vấn các sản phẩm cho vay theo quy định của K1 trong từng thời kỳ cho khách hàng có nhu cầu vay vốn tại K1.

b. Giới thiệu khách hàng và hỗ trợ thẩm định tín dụng và có nhu cầu vay vốn cho K1 và các Đơn vị trực thuộc...".

Ngoài Hợp đồng dịch vụ vừa nêu, ông Trần Văn C1 còn giao kết với Ngân hàng A Hợp đồng khác với nội dung: ông C1 đại diện Ngân hàng trong việc nhận tiền trả góp trực tiếp từ người vay (do ông C1 đã thẩm định và đề xuất Ngân hàng cho vay) và nộp lại tiền cho Ngân hàng vào cuối mỗi buổi chiều làm việc; ông C1 được hưởng hoa hồng bằng 60% của tổng số lãi thu được từ người trả góp trong ngày. Đồng thời, ông Trần Văn C1 và bà Nguyễn Như T2 còn cam kết dùng tài sản chung của 02 người để bảo đảm cho các Hợp đồng tín dụng do Trần Văn C1 thẩm định và đề xuất cho vay. Nội dung và phạm vi bảo đảm nêu trên được thể hiện trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 065/20/HĐTC-BĐS/0405-4679 ngày 14/9/2020 đã được ký kết giữa đại diện Ngân hàng TMCP K với ông Trần Văn C1 và bà Nguyễn Như T2 được Văn phòng C3 công chứng ngày 14/09/2020. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 377445 (số vào sổ: CH10476) do Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ cấp ngày 20/05/2014 (cập nhật chỉnh lý các ngày 10/06/2014, 20/04/2015, 18/04/2017 và 15/03/2018): số thửa 286, tờ bản đồ 21, đất tọa lạc tại số C N, khu V, phường T, Thành phố Cần Thơ. Tài sản thế chấp nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận N ngày 15/09/2020. Thực hiện các nội dung thỏa thuận trên, ông Trần Văn C1 giới thiệu và thẩm định thủ tục xin cấp tín dụng của bà Nguyễn Thị Út T1 và ông Nguyễn Văn C; Ngân hàng TMCP K đồng ý cho bà Nguyễn Thị Út T1 và Ông Nguyễn Văn C vay tín chấp số tiền 20.000.000đồng (*Hai mươi triệu đồng*). Việc vay vốn của bà Nguyễn Thị Út T1 và ông Nguyễn Văn C được thể hiện trong Hợp đồng tín dụng kiêm Hợp đồng cầm cố số A923775/HĐTD-CC ngày 13/11/

Tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 27/02/2026 là 18.425.822đồng, trong đó nợ gốc 7.333.460đồng (*bảy triệu ba trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm sáu mươi đồng*), lãi trong hạn 587.630đồng (*năm trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm*

ba mươi đồng), lãi quá hạn 10.513.733đồng (*mười triệu năm trăm mười ba nghìn bảy trăm ba mươi ba đồng*) cùng với tiền lãi phát sinh theo lãi suất quy định tại Hợp đồng kể từ ngày 28/02/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Út T1 và ông Nguyễn Văn C không trả hoặc trả không dứt nợ trong thời gian thỏa thuận hoặc khi bản án có hiệu lực thì buộc ông Trần Văn C1 và bà Nguyễn Như T2 có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 065/HĐTC-BĐS/0405-4679 ngày 14/09/2020; Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT377445 do UBND quận N cấp ngày 20/05/2014 để ưu tiên thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP K.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Út T1 và ông Nguyễn Văn C trình bày: Vào năm 2019 vợ chồng ông bà có đến Ngân hàng TMCP K để liên hệ vay vốn số tiền 20.000.000đồng (*Hai mươi triệu đồng*), hình thức vay trả góp, thế chấp giấy tờ xe. Sau đó nhân viên Ngân hàng H2 ông bà vào phía trong gặp ông Trần Văn C1. Làm thủ tục xong ông C1 có giữ bản gốc giấy chứng nhận chủ quyền xe và nói hàng tháng gặp ông C1 để đóng lãi tại quán cafe, không đóng lãi ở Ngân hàng. Khi kết thúc Hợp đồng ông bà đã đến Ngân hàng nhận lại tài sản thế chấp là bản gốc giấy chứng nhận chủ quyền xe. Đến nay khi kết thúc Hợp đồng với ông C1, vợ chồng ông bà không còn nợ nần gì với Ngân hàng cũng như với ông C1. Do đó, ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vợ chồng ông bà đã trả hết khoản vay với ông C1 và đã nhận lại bản gốc tài sản thế chấp.

Theo bản tự khai ngày 25/11/2025- người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn C1, bà Nguyễn Như T2 trình bày: Vào ngày 01/8/2019, ông có ký Hợp đồng dịch vụ tư vấn sản phẩm và giới thiệu khách hàng với Ngân hàng TMCP K. Ngày 13/11/2019 ông có tư vấn và giới thiệu sản phẩm vay trả góp ngày cho bà T2 và ông C. Trong quá trình tư vấn và giới thiệu sản phẩm trả góp ngày cho khách hàng ông đã làm và thực hiện đúng theo quy định của Ngân hàng TMCP K. Đồng thời bà T2 và ông C đã trả nợ hết cho Ngân hàng ngay khi Hợp đồng kết thúc. Sau khi hoàn thành Hợp đồng trên tầm 2-3 năm, ông không nhớ chính xác bà T2 và ông C có liên hệ với ông để hỏi vay lại nhưng lúc đó ông đã nghỉ làm nên có nói với bà T2 và ông C đến Ngân hàng để đăng ký vay lại. Sau đó, bà T2 và ông C được anh Nguyễn Quốc H1 cũng là cộng tác viên của Ngân hàng TMCP K – K tư vấn và làm hồ sơ phát vay cho bà T2 và ông C. Bà T2 và ông C cũng đã trả hết nợ Hợp đồng tiếp theo của anh Nguyễn Quốc H1 tại Ngân hàng TMCP K. Với tư cách là người tư vấn giới thiệu sản phẩm trả góp ngày ông đã làm đúng theo quy định của Ngân hàng và pháp luật. Nay ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc kê biên, phát mãi tài sản là căn nhà của ông để trả nợ thay cho khách hàng. Ông C1 bà T2 yêu cầu được vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Tại bản án sơ thẩm số 75/2026/DS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân KV - Cần Thơ tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị Út T1 và ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP K số tiền tính đến ngày 27/02/2026 là 18.425.822đồng;

trong đó nợ gốc 7.333.460đồng (bảy triệu ba trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm sáu mươi đồng); lãi trong hạn 587.630đồng (năm trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi đồng); lãi quá hạn 10.513.733đồng (mười triệu năm trăm mười ba nghìn bảy trăm ba mươi ba đồng) cùng với tiền lãi phát sinh theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng kiêm Hợp đồng cầm cố số A923775/HĐTD-CC ngày 13/11/2019 kể từ ngày 28/02/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng số 065/20/HĐTC-BĐS/0405-4679 ngày 14/9/2020 của ông Trần Văn C1, bà Nguyễn Như T2 khi bà Nguyễn Thị Út T1 và ông Nguyễn Văn C không có tài sản hoặc tài sản không đủ để thực hiện nghĩa vụ tại giai đoạn thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12 tháng 3 năm 2026, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn C1, bà Nguyễn Như T2 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Ngày 20 tháng 3 năm 2026, bị đơn bà Nguyễn Thị Út T1 và ông Nguyễn Văn C có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Cụ thể:

1. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn C1 và bà Nguyễn Như T2 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa Bản án sơ thẩm số 75/2026/DS-ST ngày 27/02/2026 của Tòa án nhân dân KV - Cần Thơ theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý tài sản của ông C1 và bà T2 theo Hợp đồng thế chấp.

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị Út T1 và ông Nguyễn Văn C yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại Bản án sơ thẩm số 75/2026/DS-ST ngày 27/02/2026 của Tòa án nhân dân KV - Cần Thơ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo ông Trần Văn C1, bà Nguyễn Như T2, bà Nguyễn Thị Út T1 và ông Nguyễn Văn C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K không đồng ý với yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị y án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu quan điểm: Từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn C1, bà Nguyễn Như T2 bị đơn bà Nguyễn Thị Út T1 và ông Nguyễn Văn C, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Út T1 và ông Nguyễn Văn C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn C1, bà Nguyễn Như T2 có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Đối với kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Út T1 và ông Nguyễn Văn C, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 13/11/2019, bị đơn bà Nguyễn Thị Út T1 và ông Nguyễn Văn C với nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K có ký Hợp đồng tín dụng kiêm Hợp đồng cầm cố số A923775/HĐTD-CC ngày 13/11/2019 chi tiết như sau:

- Số tiền vay: 20.000.000đồng (Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng).
- Mục đích vay: buôn bán nhỏ lẻ.
- Thời hạn vay: 180 ngày (kỳ).
- Lãi suất vay: 16%/năm (tương ứng với lãi suất tính theo dư nợ thực tế là 16%/năm), lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn tương ứng với thời hạn chậm trả (tức là 24%/năm).

Các đương sự đều thừa nhận giao dịch tín dụng (vay) giữa bà Nguyễn Thị Út T1 và ông Nguyễn Văn C với Ngân hàng K thông qua Cộng tác viên ông Trần Văn C1. Điều này được các bên đương sự thống nhất thừa nhận nên là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn cho rằng bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu bà Nguyễn Thị Út T1 và ông Nguyễn Văn C thanh toán cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 27/02/2026 là 18.425.822đồng.

Tuy nhiên, theo lời trình bày và thừa nhận của cộng tác viên của Ngân hàng là ông Trần Văn C1 thì bị đơn đã thanh toán xong khoản vay của Ngân hàng. Điều này phù hợp với lời trình bày của bị đơn cho rằng đã thanh toán dứt nợ.

Mặt khác, theo Hợp đồng vay thì bị đơn vay trong thời hạn 180 ngày kể từ ngày 13/11/2019. Nhưng đến năm 2025 nguyên đơn mới khởi kiện ra Tòa yêu cầu bị đơn thanh toán nợ nhưng không cung cấp được các văn bản nhắc nợ đối với bị đơn. Không có tài liệu chứng cứ chứng minh bị đơn biết việc mình vẫn còn nợ Ngân hàng, Ngân hàng cũng không có động thái nhắc nhở, thu hồi nợ để làm cơ sở xác định trách nhiệm của bị đơn đối với Ngân hàng.

Xét thấy, giữa cộng tác viên là ông C1 và Ngân hàng có ký kết Hợp đồng nội dung ông C1 sẽ đại diện Ngân hàng trong việc nhận tiền trả góp trực tiếp từ người vay. Do vậy phía ông C1 xác nhận bị đơn đã thanh toán xong khoản vay cho Ngân hàng thì trách nhiệm còn lại thuộc về nghĩa vụ giữa ông C1 với Ngân hàng. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía Ngân hàng cung cấp cho Hội đồng xét xử các biên bản làm việc giữa Ngân hàng với ông C1 xác định trách nhiệm của ông C1 đối với các khoản nợ, qua đó càng có cơ sở chứng minh cho nghĩa vụ còn lại là của ông C1 đối với Ngân hàng.

Do đó, Đối với nghĩa vụ giữa ông C1 và Ngân hàng, Ngân hàng có quyền khởi kiện ông C1 trong một vụ án khác nếu có yêu cầu theo như thỏa thuận trong Hợp đồng dịch vụ mà các bên đã ký kết.

Từ những căn cứ trên, xét thấy việc Nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị Út T1 và ông Nguyễn Văn C thanh toán cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày

27/02/2026 là 18.425.822 đồng là không có căn cứ. Do vậy, kháng cáo của bị đơn là có căn cứ chấp nhận.

[3]. Đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn C1, bà Nguyễn Như T2 không đồng ý xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tài sản thế chấp là để đảm bảo cho khoản vay do Cộng tác viên giới thiệu khi người vay không thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân hàng. Tuy nhiên, trong vụ án này có căn cứ xác định bị đơn đã thanh toán xong khoản vay theo Hợp đồng tín dụng kiêm Hợp đồng cầm cố số A923775/HĐTD-CC ngày 13/11/2019. Đồng thời, chưa có cơ sở xác định trách nhiệm của Cộng tác viên là ông C1 đối với Ngân hàng nên không có căn cứ xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng đã ký kết.

[4]. Từ những cơ sở trên, xét kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ chấp nhận, chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Sửa bán án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân KV – Cần Thơ theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5]. Dành quyền khởi kiện trong vụ án khác đối với nguyên đơn Ngân hàng TMCP K và ông Trần Văn C2.

[6]. Do sửa án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử điều chỉnh lại nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

[7]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo bà Nguyễn Thị Út T1, ông Nguyễn Văn C, ông Trần Văn C1, bà Nguyễn Như T2 không phải chịu. Người kháng cáo được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo quy định.

[8]. Các phần khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Út T1 và ông Nguyễn Văn C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn C1, bà Nguyễn Như T2, S bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân KV – Cần Thơ.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K về việc Buộc bà Nguyễn Thị Út T1 và ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền tính đến ngày 27/02/2026 là 18.425.822đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng số 065/20/HĐTC-BĐS/0405-4679 ngày 14/9/2020 của ông Trần Văn C1, bà Nguyễn Như T2.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 460.700đồng (*Bốn trăm sáu mươi nghìn bảy*

trăm đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 437.301đồng (*Bốn trăm ba mươi bảy nghìn ba trăm lẻ một đồng*) theo biên lai thu số 0006979 ngày 22/10/2025 tại Phòng thi hành án dân sự KV - Cần Thơ thành án phí. Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K còn phải nộp thêm 23.399 đồng (Hai mươi ba nghìn ba trăm chín mươi chín đồng).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo bà Nguyễn Thị Út T1, ông Nguyễn Văn C, ông Trần Văn C1, bà Nguyễn Như T2 không phải chịu. Bà Út T1 và ông C được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005224 ngày 23 tháng 3 năm 2026; Ông C1 và bà N1 T1 được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004737 ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố C.

5. Dành quyền khởi kiện trong vụ án khác đối với nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K và ông Trần Văn C1.

6. Các phần khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 03 tháng 8 năm 2026.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Cần Thơ;
- THADS TP. Cần Thơ;
- Tòa án nhân dân KV – Cần Thơ;
- Phòng THADS KV – Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hoàng Lâm